

Bản án số: 67/2020/HS-ST
Ngày 29/9/2020

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG – TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Quang và bà Hoàng Thị Tám.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song tham gia phiên tòa: Bà D Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2020/HSST ngày 11 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thị Ngọc D, tên gọi khác: K**; sinh năm 1993 tại Đắk Nông; nơi cư trú: thôn B, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967; bị cáo có chồng là Ngô Quốc Th, sinh năm 1987 (đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 20/10/2019, bị Công an huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giữ ngày 14/10/2019 đến ngày 23/10/2019 chuyển sang biện pháp tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ; có mặt.

2. Họ và tên: **Phạm Tiến Th**; sinh năm 1992 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn 6, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tiến Th, sinh năm 1967 và con bà Trần Thị B, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/10/2019 đến ngày 23/10/2019 chuyển sang biện pháp tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ; có mặt.

3. Họ và tên: **Lê Hoài L, tên gọi khác: Lê Kiều L**; sinh năm 1998 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: Thôn 8, xã K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, sinh năm 1975 và con bà Vũ Thị Th, sinh năm 1978; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/10/2019 đến ngày

23/10/2019 chuyển sang biện pháp tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ; có mặt.

4. Họ và tên: **Phạm Văn S**; sinh năm 1996 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn 2, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L, sinh năm 1965 và con bà Trần Thị Th, sinh năm 1970; bị cáo có vợ là Triệu Thị Thanh Th, sinh năm 2000 (đã ly hôn) và 01 con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/10/2019 đến ngày 23/10/2019 chuyển sang biện pháp tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ; có mặt.

5. Họ và tên: **Trần Thị Hương G**, sinh năm 2000 tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: tổ 01, phường P, Th phố G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1975 và con bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1981; bị cáo chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 14/10/2019 đến ngày 23/10/2019 chuyển sang biện pháp tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đ; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn N; sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 1, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Anh Nguyễn Duy Ph; sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 1, P. Th, TP B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Chị Nguyễn Thị Tuyết Nh; sinh năm 1997; địa chỉ: Tổ 10, P. Ngh, Tp. G, tỉnh Đắk Nông.

Người làm chứng:

1. Chị Bùi Thị Kim A, sinh năm 2003.

Người đại diện hợp pháp của chị A: Bà Phan Thị Kiều H; sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện ĐL, tỉnh Đắk Nông.

2. Chị Đinh Thị Th, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn Th, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Anh Nguyễn Mạnh C; sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 1, P. N, Tp. G, tỉnh Đắk Nông.

4. Anh Nguyễn Lê Văn Nh; sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 2, P. Ngh, Tp. G, tỉnh Đắk Nông.

5. Anh Lê Văn A; sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 2, P. Ngh, Tp. G, tỉnh Đắk Nông.

6. Chị Bé Kim L, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

7. Chị Phạm Thị Phương Th; sinh năm 1999; địa chỉ: Tổ 9, P. Nghĩa Th, Tp. G, tỉnh Đắk Nông.
8. Chị Nguyễn Ngọc Quỳnh A, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
9. Anh Phạm Văn V, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
10. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
11. Chị Nguyễn Thị Trà M, sinh năm 2003; địa chỉ: Thôn 7, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
12. Chị Đặng Thị Kiều M, sinh năm 2002; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
13. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
14. Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
15. Anh Nguyễn Th Tr, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 3, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
16. Chị Nguyễn Thị Út Th, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ 1, P. A, Tx B, tỉnh Đắk Lắk.
17. Chị Nguyễn Thị Ph Th; sinh năm 2003; địa chỉ: Tổ 3, P. Nghĩa Th, Tp. G, tỉnh Đắk Nông.
18. Chị Vừ Thị L; sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn Đắk Tân, xã Đắk Nia, Tp. G, tỉnh Đắk Nông.
19. Chị Trần Thanh Tr, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn 10, xã Trường Xuân, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
20. Chị Trần Thị Q, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 3, TT Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.
21. Anh Lại Quốc T, sinh năm 1995; địa chỉ: Tổ 3, TT Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
22. Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
23. Anh Vũ Văn D, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.
24. Anh Phạm Quang D, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

25. Anh Cao Văn Ch, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

(Tất cả người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 01 giờ 30 phút và 01 giờ 41 phút, ngày 14/10/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song bắt quả tang tại phòng hát số 02 và phòng hát số 03 của quán Karaoke - Massage Lasvegas tại thôn 10, xã N, huyện Đ có nhiều đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy đang thực hiện hành vi “bay”, “lắc”. Quá trình điều tra xác định, đầu tháng 10/2019, Trần Mạnh H thuê quán Karaoke - Massage Lasvegas của anh Cao Văn Ch, sau đó giao cho Phạm Tiến Th trông coi và quản lý. Quá trình quản lý quán, khi khách đến hát, yêu cầu nhân viên và có nhu cầu sử dụng ma túy tại quán thì Th chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma túy, xếp phòng và điều nhân viên nữ vào phục vụ. Khi thiếu nhân viên, Th gọi cho Nguyễn Thị Ngọc D để điều thêm. Cụ thể như sau:

Tại phòng hát P02:

Khoảng 19 giờ ngày 13/10/2019, Phạm Văn S rủ Nguyễn Mạnh T, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Th Tr, Nguyễn Văn Đ và Phạm Văn V đi hát karaoke tại quán TA ở tổ 2, Thị trấn Đ, huyện Đ. Khi đến quán, do S chỉ có khoảng 1.000.000 đồng nên T đưa cho S 2.000.000 đồng, Th đưa cho S 1.000.000 đồng góp để trả tiền hát. Sau khi có tiền, S nảy sinh ý định mua ma túy để sử dụng. Quá trình điều tra, S khai nhận: do biết Nguyễn Thị Ngọc D (tên gọi khác là “K”) có bán các loại ma túy nên S sử dụng facebook “Ba Lúa” gọi điện cho facebook “Bé K” của D để trao đổi mua ma túy. D nói với S giá bán ma túy “Ke” là 1.200.000 đồng/01 gói, giá bán thuốc lắc là 200.000 đồng/01 viên. S đặt mua 03 gói “Ke” và 05 viên thuốc lắc, tổng tiền là 4.600.000 đồng và xin nợ lại 600.000 đồng thì D đồng ý và hẹn gặp nhau ở cổng sau quán karaoke TA để mua bán. Sau đó, S gọi điện rủ Nguyễn Thị Trà M và Đinh Thị Th lên quán TA hát karaoke cùng cả nhóm. Khoảng 20 phút sau, D đi xe máy đến cổng sau quán TA và gọi điện bằng facebook cho S ra chỗ hẹn. Tại đây, D đưa cho S 03 gói “Ke”, 01 gói nilon bên trong có 05 viên thuốc, S đưa cho D số tiền 4.000.000 đồng. Sau đó, S mang số ma túy vừa mua vào phòng hát, ngồi ở mép cửa ra vào bẻ 05 viên thuốc lắc Th 10 viên nhỏ. Lúc này, Th và M đến. S bẻ đôi 01 viên nhỏ Th ½ viên và sử dụng, còn lại ½ viên nhỏ thì bỏ chung vào số thuốc lắc còn lại. Sau đó, S đưa cho M 01 viên nhỏ (M cắn một ít và bỏ vào lon nước bò húc trên bàn), đưa cho Th 01 viên nhỏ (Th không sử dụng, bỏ vào túi quần trước bên trái) và T 01 viên nhỏ (T vứt đi không sử dụng), số thuốc lắc còn lại S bỏ vào bịch nilon và cất cùng 03 gói Ke vào túi quần của mình. Do biết quán TA không cho sử dụng ma túy nên các đối tượng rủ nhau đi đến quán Lasvegas chơi tiếp. T, Th, Tr, Đ nghỉ hát đi trước còn V, S, Th, M hát một lúc nữa thì nghỉ. M, Th đi về nhà nghỉ Ng còn S, V xuống quán Lasvegas. Khi nhóm T, Tr, Th, Đ đến quán Lasvegas, biết các đối tượng sử dụng ma túy nên Phạm Tiến Th lấy sẵn 01 đĩa S đường kính 22cm để trên bàn phòng hát P02

và điều Nguyễn Thị Út Th, Nguyễn Thị Ph Th, Trần Thị Hương G, Vừ Thị L, Trần Thanh Tr và Trần Thị Qu làm nhân viên phục vụ. Khi S và V vào phòng hát, thấy có sẵn đĩa trên bàn nên S bóc 03 gói “Ke” đổ ra đĩa và bỏ số thuốc lắc còn lại vào đĩa. S sử dụng ½ viên nhỏ thuốc lắc còn lại, Đ sử dụng 01 viên nhỏ thuốc lắc, V sử dụng 01 viên nhỏ thuốc lắc và hít “ke”, S đưa cho Trần Thị H G 01 viên nhỏ thuốc lắc (Gi không sử dụng mà đem đi cất vào túi xách màu đỏ của mình để ở phòng nghỉ của nhân viên, sau đó bị bể làm 2 viên), Trần Thị Qu sử dụng 01 viên nhỏ thuốc lắc, Vừ Thị L, Trần Thanh Tr, Nguyễn Thị Út Th, Nguyễn Thị Ph Th thì hít “ke”. Một lúc sau thì Tr, Th, T đi về trước. S gọi điện cho Lại Quốc T đến. Khi T đi đến thì gọi điện rủ Th và M đến quán Lasvegas chơi cùng nhóm V, S. Lúc này, tại phòng hát số 02 có S, T, V, Đ, Gi, Trà, Th, Th, M, Thi, L và Qu.

Các đối tượng tiếp tục hát, nhảy đến 01 giờ 41 phút ngày 14/10/2019 thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ bắt quả tang, thu giữ: 01 viên nén dạng rắn màu cam trong túi quần trước bên trái của Đinh Thị Th (ký hiệu 01A); 01 viên nén dạng rắn màu hồng hình trái tim để trong túi nylon dưới nền gạch phía sau dàn loa (ký hiệu 02A); một lượng chất bột màu hồng ẩm ướt trên nền nhà sau ghế (ký hiệu 03A); 01 đĩa S đường kính 22cm và 02 thẻ nhựa (01 thẻ màu tím và 01 thẻ màu vàng). Ma túy “Ke” (Ketamine), các đối tượng đã sử dụng hết. (Bút lục số 112-115; 141-210; 227-243; 255-268; 296-312; 315-349).

Quá trình điều tra, không xác định được 01 viên nén dạng rắn màu hồng hình trái tim để trong túi nylon dưới nền gạch phía sau dàn loa và một lượng chất bột màu hồng ẩm ướt trên nền nhà sau ghế là của đối tượng nào cất giấu. Qua đấu tranh, Nguyễn Thị Ngọc D không thừa nhận việc bán số ma túy nói trên cho Phạm Văn S.

Tại phòng hát P03:

Khoảng 22 giờ ngày 13/10/2019, Nguyễn Văn N gọi điện nhờ Nguyễn Tấn V, sau đó V gọi cho Phạm Tiến Th để đặt phòng hát tại quán Karaoke - Massage Lasvegas thì Th đồng ý. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Văn N cùng Nguyễn Duy Ph, Nguyễn Mạnh C, Lê Văn Nh và Lê Văn Á đến phòng hát P03 của quán Lasvegas để hát. Th bố trí các nhân viên Lê Hoài L, Bùi Thị Kim A, Bế Kim L, Phạm Thị Phương Th và Nguyễn Ngọc Quỳnh A làm nhân viên phục vụ. Khoảng 01 tiếng sau, N ra ngoài phòng hát gặp Nguyễn Thị Ngọc D hỏi mua ma túy thì D đồng ý bán với giá 350.000 đồng/01 viên thuốc lắc và 01 gói “Ke” là 1.200.000 đồng. Do không có tiền nên N vào phòng hát nói lại với Ph, sau đó cả Ph và N tiếp tục ra hỏi D giá bán ma túy thì D cũng nói giá như trên. N và Ph vào nhà vệ sinh đếm tiền được 3.000.000 đồng rồi cả hai cùng đi ra gặp D tại hiên nhà trước sân, Phương đưa cho D 3.000.000 đồng để mua 05 viên thuốc lắc và 01 gói “Ke”. D đồng ý bớt cho Ph 50.000 đồng nhưng chưa đưa lại tiền thừa. Sau đó, Ph và N vào lại phòng hát còn D đi về phòng nghỉ của nhân viên trước sân, lấy 01 gói “Ke” và 02 gói nylon chứa 05 viên thuốc lắc. Lúc này, Bùi Thị Kim A (sinh ngày 11/12/2003) xuống phòng nghỉ để trang điểm thì D nói KA mang số ma túy này và tờ tiền 100.000 đồng đưa vào phòng hát P03 giao cho khách. Khi đi ra, thấy N ngồi ở bộ bàn ghế tại quầy lễ tân nên KA hỏi Nam lấy đồ “bay” phải không thì N “ừ”. KA mang số ma túy trên vào phòng hát P03, N vào sau. Sau đó cả N và K A đi xuống nhà vệ sinh cuối dãy

nhà, KA đưa cho N 01 gói “Ke”, còn 05 viên thuốc lắc N bảo KA chia cho mọi người. KA cầm số thuốc này về phòng hát, đưa cho Lê Hoài L để chia. Do không chia được nên L cầm số thuốc lắc này mang ra để Phạm Tiến Th chia hộ. Th cùng L vào phòng P01 dùng 01 con dao cán màu đen chia 05 viên thuốc lắc Th 10 viên nhỏ. Sau đó, L mang vào phòng hát chia cho N 2 viên nhỏ (chưa sử dụng), Ph 2 viên nhỏ (chưa sử dụng), C 2 viên nhỏ (sử dụng 01 viên, để lại 01 viên), K A 1 viên nhỏ (sử dụng hết), Quỳnh Anh 1 viên nhỏ (sử dụng hết), Linh 01 viên nhỏ (sử dụng hết) và L 1 viên nhỏ (chưa sử dụng); còn Th, Nh và Á không lấy.

Các đối tượng tiếp tục hát, nhảy đến 01 giờ 30 phút ngày 14/10/2019 thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ bắt quả tang, thu giữ: 01 gói nilon màu trắng chứa chất bột màu trắng trong túi quần bên trái phía sau của Nguyễn Văn Nam (*ký hiệu 01B*); Thu giữ 02 viên nén màu cam ở trên bàn của Nguyễn Duy Phương (*ký hiệu 02B*); Thu giữ 01 viên nén màu cam ở trên nền nhà dưới gầm bàn của Nguyễn Mạnh Cường (*ký hiệu 03B*); Thu giữ 01 viên nén màu cam ở trong kệ ghế sắt màu đen của Bê Kim Lan (*ký hiệu 04B*); Thu giữ 01 viên nén màu cam ở trên đáy lon bia úp ngược dưới nền nhà (*ký hiệu 05B*); Thu giữ 02 viên nén màu cam tại kệ ghế màu đen cách cửa chính 1,5 m của Nguyễn Văn Nam (*ký hiệu 06B*) (*Bút lục số 109-110;139-192;211-226;244-251;269-295*).

Quá trình điều tra, không xác định được 01 viên nén màu cam ở trên đáy lon bia úp ngược dưới nền nhà là của đối tượng nào cất giấu. Tại CQĐT, lúc đầu Nguyễn Thị Ngọc D chỉ thừa nhận bán cho Nam và Phương 04 viên thuốc lắc màu hồng, sau đó D đã không thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy nói trên. Phạm Tiến Th thừa nhận từ khi quản lý quán, đã để cho khách sử dụng ma túy và “bay” khoảng 10 lần, thu lợi bất chính 10 triệu đồng.

Sau đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ tiến hành khám xét khẩn cấp quán Karaoke - Massage Lasvegas của Trần Mạnh Hổ, thu giữ: 01 tờ giấy trên móc treo quần áo ghi chữ Trần Thị Hương G; 02 viên nén màu cam trong túi xách nữ (*ký hiệu 01C*) của Trần Thị Hương G; 03 viên nén màu hồng trong túi xách màu đen của Trần Thị Hương G (*ký hiệu 02C*)(*Giang không thừa nhận của mình*); 01 dụng cụ có đặc điểm đế bằng S màu xanh D, thân trên màu vàng, 01 ống hút màu xanh lá cây, 01 ống hút màu đen (*Th khai do quán cũ để lại*); 02 bình xít hơi cay của Phạm Tiến Th; số tiền 17.000.000 đồng của Nguyễn Thị Tuyết Nhung; 01 con dao dài 29 cm, cán màu đen dài 12 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 17 cm, rộng 3,5 cm; số tiền 1.450.000 đồng của Nguyễn Thị Ngọc D(*Bút lục số 117-118; 385-388*).

Tại bản kết luận giám định số 78/KLMT-PC09 ngày 22/10/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

- 01 (một) viên nén màu cam (*ký hiệu 01A*) gửi giám định có khối lượng mẫu là 0,2160 gam. Tuy nhiên phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông chưa Đ cơ sở xác định mẫu viên nén trên là chất ma túy. Hoàn lại sau giám định 0,1311 gam.

- 01 (một) viên nén màu hồng đựng trong 01 gói nilon màu trắng (*ký hiệu 02A*) là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,3410 gam, là MDMA. Hoàn lại sau giám định 0,2178 gam MDMA.

- Chất bột màu hồng đựng trong 01 gói nilon màu trắng (ký hiệu 03A) là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,1464 gam, là MDMA. Hoàn lại sau giám định 0,0878 gam MDMA.

- 01 (một) gói nilon màu trắng bên trong có chất bột màu trắng (ký hiệu 01B) là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,1417 gam, là Ketamine. Hoàn lại sau giám định 0,0888 gam Ketamine.

- 02 viên nén màu cam (ký hiệu 02B) là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,0908 gam; là MDMA. Hoàn lại sau giám định 0,0589 gam MDMA.

- 01 (một) viên nén màu cam (ký hiệu 03B) là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,0436 gam; là MDMA. Hoàn lại sau giám định 0,0270 gam MDMA.

- 01 (một) viên nén màu cam (ký hiệu 04B) là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,0893 gam; là MDMA. Hoàn lại sau giám định 0,0524 gam MDMA.

- 01 (một) viên nén màu cam (ký hiệu 05B) là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,0529 gam, là MDMA. Hoàn lại sau giám định 0,0228 gam MDMA.

- 02 (hai) viên nén màu cam (ký hiệu 06B) là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,0763 gam; là MDMA. Hoàn lại sau giám định 0,0382 gam MDMA.

- 02 viên nén màu cam (ký hiệu 01C) là ma túy, có khối lượng mẫu là 0,2707 gam; là MDMA. Hoàn lại sau giám định 0,1598 gam MDMA.

- 03 viên nén màu hồng (ký hiệu 02C) là ma túy, có khối lượng mẫu là 1,1842 gam; là MDMA. Hoàn lại sau giám định 1,0219 gam MDMA.

Tại kết luận giám định số 1088/C09C(Đ4) ngày 05/11/2019 của phân viện khoa học hình sự tại Th phố Đà Nẵng thuộc Viện khoa học hình sự kết luận: Phần còn lại của viên nén màu cam (ký hiệu 01A) gửi giám định không có chất ma túy. Mẫu vật đã phân tích hết trong quá trình giám định (bút lục số 120-123; 520-524;125)

Tại bản Cáo trạng số 62/CTr-VKS ngày 11/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm e khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự (BLHS); truy tố bị cáo Phạm Tiến Th về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 của BLHS; truy tố các bị cáo Phạm Văn S, Lê Hoài L và Trần Thị Hương G về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Tiến Th, Phạm Văn S, Lê Hoài L và Trần Thị Hương G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến gì tranh luận đối với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Trong quá trình điều tra bị cáo thừa nhận bán ma túy là 04 viên thuốc lắc và 01 gói Keramin cho Nguyễn Văn Nam và Nguyễn Duy Phương lấy số tiền 2.900.000 đồng. Tuy nhiên sau đó và tại phiên tòa bị cáo thay đổi toàn bộ lời khai, không thừa nhận đã bán Ma túy. Lý do bị cáo nghĩ cứ nhận đại để được xử lý hành chính và cho về, hơn nữa Kim Anh là người thân của bị cáo nên khi Kim Anh nhờ bị

cáo đã tin tưởng. Nay bị cáo nhận thức được hậu quả của lời khai của mình nên đã thay đổi. Bị cáo không bị dụ cung, ép cung, hay dùng nhục hình. Mặc dù bị cáo phản cung, chối tội nhưng bị cáo vẫn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, áp dụng điểm e khoản 2 Điều 251, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc D từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 14/10/2020).

Tuyên bố bị cáo Phạm Tiến Th phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, áp dụng các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo Phạm Tiến Th từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 14/10/2020).

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn S, Lê Hoài L và Trần Thị Hương G phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS xử phạt các bị cáo Phạm Văn S, Lê Hoài L và Trần Thị Hương G, mỗi bị cáo từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 14/10/2020).

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị HĐXX tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy 0,0888 gam Ketamine; 1,6866 gam MDMA hoàn lại sau giám định; 01 đĩa S đường kính 22cm và 02 thẻ nhựa (01 thẻ màu tím và 01 thẻ màu vàng); 01 tờ giấy trên móc treo quần áo ghi chữ Trần Thị Hương G; 01 dụng cụ có đặc điểm đế bằng S màu xanh D, thân trên màu vàng, 01 ống hút màu xanh lá cây, 01 ống hút màu đen; 02 bình xịt hơi cay và 01 con dao dài 29 cm, cán màu đen dài 12 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 17 cm, rộng 3,5 cm.

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song trả lại số tiền 17.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Tuyết Nhung là chủ sở hữu hợp pháp.

- Đối với số tiền 1.450.000 đồng của Nguyễn Thị Ngọc D: đây là số tiền D bán trái phép chất ma túy mà có nên đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Truy thu số tiền 1.450.000 đồng của Nguyễn Thị Ngọc D bán ma túy cho Phương và Nam để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 100.000 đồng Kim Anh cầm để trả lại tiền thừa cho Phương, quá trình bắt quả tang không thu giữ được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo Phạm Tiến Th, Lê Hoài L, Phạm Văn S, Trần Thị Hương G tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Do đó Hội đồng xét xử đã Đ cơ sở để kết luận: Vào lúc 01 giờ 30 phút ngày 14/10/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ bắt quả tang tại phòng P02 và P03 của quán Karaoke Massage Lasvegas ở thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có 22 đối tượng đang thực hiện hành vi tàng trữ, sử dụng thuốc lắc MDMA và ma túy. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Thị Ngọc D là người đã bán 05 viên thuốc lắc MDMA và 01 gói Ketamine với giá 2.900.000 đồng, nhờ Bùi Thị Kim Anh (tại thời điểm ngày 14/10/2019 Kim Anh dưới 16 tuổi) đưa vào phòng hát P03 cho Nguyễn Văn Nam và Nguyễn Duy Phương. Nguyễn Tiến Th là người tổ chức để các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại quán do mình quản lý. Ngoài ra bị cáo Nguyễn Tiến Th còn khai nhận, từ khi quản lý quán Karaoke Lasvegas đã để cho khách sử dụng ma túy và “bay” khoảng 10 lần, thu lợi bất chính 10.000.000 đồng. Bị cáo Lê Hoài L tàng trữ 0,3529 gam MDMA, bị cáo Trần Thị Hương G tàng trữ 0,2707 gam MDMA và bị cáo Phạm Văn S tàng trữ 0,7581 gam MDMA.

Mặc dù tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D không thừa nhận đã bán 05 viên thuốc lắc MDMA và 01 gói Ketamine với giá 2.900.000 đồng, nhờ Bùi Thị Kim Anh đưa vào phòng hát P03 cho Nguyễn Văn Nam và Nguyễn Duy Phương nhưng tại cơ quan điều tra bị cáo lại khai nhận. Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Văn Nam, anh Nguyễn Duy Phương và chị Bùi Thị Kim Anh. Việc bị cáo cho rằng, tại cơ quan điều tra lúc đầu bị cáo nghĩ cứ nhận đại để được xử lý hành chính và cho về, hơn nữa Bùi Thị Kim Anh là người thân của bị cáo, khi Kim Anh nhờ nhận bán ma túy để cho Kim Anh được thả, bị cáo đã tin tưởng nên khai nhận hành vi phạm tội là không có cơ sở được chấp nhận. Bị cáo cũng thừa nhận tại cơ quan điều tra bị cáo không bị dụ cung, ép cung, dùng nhục hình. Do đó đã Đ cơ sở khẳng định Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 251 của BLHS.

Hành vi của các bị cáo Phạm Văn S, Lê Hoài L và Trần Thị Hương G đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 249 của BLHS.

Hành vi của bị cáo Phạm Tiến Th đã phạm vào tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 BLHS.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) ...

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

Điều 251 Bộ luật hình sự quy định tội “Mua bán trái phép chất ma túy”:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) ...;

...

e) Sử dụng người dưới 16 tuổi vào việc phạm tội hoặc bán ma túy cho người dưới 16 tuổi;;

...

Điều 255 Bộ luật hình sự quy định tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”:

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Đối với 02 người trở lên;

c) Đối với người từ Đ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;

...

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trị an tại địa phương; các bị cáo có đầy Đ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ ma túy là hiểm họa cho bản thân, gia đình và xã hội; là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm phát sinh các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và các hệ lụy khác; xâm phạm trực tiếp đến chính sách của Nhà nước về quản lý chất ma túy. Tuy nhiên, xuất phát từ lối sống chơi bời, buông thả, (Bị cáo Phạm Tiến Th và bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng, nhanh chóng) mà các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi; do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo có thời gian suy nghĩ về hành vi sai trái của bản thân, cũng như đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Phạm Tiến Th, Phạm Văn S, Lê Hoài L và Trần Thị Hương G đã có thái độ Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; do đó các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Tiến Th tự mình khai báo những lần phạm tội trước đó nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D một mình nuôi hai con nhỏ, là lao động chính trong gia đình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Đối với việc Nguyễn Thị Ngọc D không thừa nhận bán ma túy cho Phạm Văn S, quá trình điều tra chưa chứng minh được nên tách ra để tiếp tục xác minh, khi có kết quả sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi tàng trữ 03 gói Ketamine từ quán TA đưa lên quán Lasvegas để sử dụng của Phạm Văn S, do các đối tượng đã sử dụng hết số ma túy Ketamine này nên không có căn cứ để trưng cầu giám định, tính khối lượng ma túy để xử lý.

Đối với hành vi của chị Bùi Thị Kim A cầm 05 viên ma túy MDMA và 01 gói Ketamine từ D để đưa vào phòng hát P03: khối lượng Ketamine là 0,1417 gam; khối lượng MDMA chứng minh được là 0,3529 gam. Tuy nhiên, tại thời điểm ngày 14/10/2019, chị Bùi Thị Kim A chưa Đ 16 tuổi. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 12 BLHS, không đặt vấn đề xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Văn N, quá trình điều tra chứng minh được Nguyễn Văn N thực hiện hành vi tàng trữ 0,1417 gam Ketamine và 0,0763 gam MDMA, do đó chưa Đ định lượng để xử lý trách nhiệm hình sự.

Đối với 03 viên nén màu hồng là ma túy MDMA có khối lượng 1,1842 gam thu giữ được trong túi xách màu đen của Trần Thị Hương G: quá trình điều tra chưa chứng minh được của ai cất giấu nên tách ra để tiếp tục xác minh, khi có kết quả sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Trần Mạnh H: mặc dù là chủ quán nhưng H đã giao cho Th trông coi, quản lý quán. Tối ngày 14/10/2019, H có vào chào hỏi ở phòng P02 nhưng H không biết việc Phạm Tiến Th tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán, không biết việc Nguyễn Thị Ngọc D bán trái phép chất ma túy, không biết việc các đối tượng sử dụng chất ma túy nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với Vũ Văn D và Phạm Quang D là nhân viên dọn dẹp của quán, không biết Phạm Tiến Th tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán do đó không đặt vấn đề xử lý.

Đối với Đinh Thị Th: Tại kết luận giám định số 1088/C09C(Đ4) ngày 05/11/2019 của phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đ thuộc Viện khoa học

hình sự kết luận viên nén màu cam của Đinh Thị Th không có chất ma túy, do đó không đặt vấn đề xử lý.

Đối với 01 viên nén dạng rắn màu hồng hình trái tim (*ký hiệu 02A*) có khối lượng 0,3410 gam MDMA và một lượng chất bột màu hồng có khối lượng 0,1464 gam MDMA (*ký hiệu 03A*); 01 viên nén màu cam có khối lượng 0,0529 gam MDMA (*ký hiệu 05B*): quá trình điều tra chưa chứng minh được đối tượng nào cất giấu nên tách ra để tiếp tục xác minh, khi có kết quả sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với việc Nguyễn Tấn V gọi điện cho Phạm Tiên Th để đặt phòng hát: Vương chỉ nhờ Th để đặt phòng hát cho N và những người khác, v không biết các đối tượng mua và sử dụng trái phép chất ma túy nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy với mục đích sử dụng của các đối tượng Nguyễn Văn N, Nguyễn Duy Ph, Nguyễn Mạnh C và Bé Kim L: Ngày 21/02/2020, Công an huyện Đ đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 21 nghị định 167 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của các đối tượng Phạm Văn V, Phạm Văn S, Nguyễn Văn Đ, Đinh Thị Th, Nguyễn Thị Trà M, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Út Th, Nguyễn Thị Ph Th, Trần Thị Hương G, Vũ Thị L, Trần Thanh Tr, Trần Thị Q, Lại Quốc T, Bé Kim L, Bùi Thị Kim A, Nguyễn Thị Quỳnh A, Nguyễn Mạnh C, Nguyễn Thị Ngọc D và Lê Hoài L: Ngày 21/02/2020, Công an huyện Đ đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 21 nghị định 167 của chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự.

Đối với Trần Mạnh H là chủ quán có hành vi Hoạt động kinh doanh, nghề có điều kiện về an ninh, trật tự mà không có giấy chứng nhận Đ điều kiện về an ninh, trật tự; Sử dụng nhân viên phục vụ trong một phòng Karaoke vượt quá số lượng theo quy định; Hoạt động Karaoke, quây Bar và các hình thức vui chơi giải trí khác quá giờ được phép: Công an huyện Đ đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Trần Mạnh H theo quy định tại nghị định số 158/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013, của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo và Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, chống bạo lực gia đình.

Đối với Cao Văn Ch có hành vi “Thay đổi người đứng đầu doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật kinh doanh mà không có văn bản thông báo với cơ quan có thẩm quyền: Công an huyện Đ đã ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Cao Văn Ch theo quy định tại nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, chống bạo lực gia đình.

[7] Về xử lý vật chứng vụ án: Cần áp căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 0,1383 gam Heroine còn lại sau giám định được niêm phong trong một phong bì (ký hiệu 38/PC09) có chữ ký xác nhận của Đỗ Văn D, Nguyễn Quang V và dấu tròn đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ và 01 (một) chiếc áo dài tay màu rêu xanh được thu giữ trên thanh ghế gỗ trong nhà Trần Thị Q (áo của Hoàng Văn Th) được niêm phong trong túi ni lông (Như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/9/2020 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ).

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Đăk Song trả lại số tiền 17.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Tuyết Nh là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.450.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D do mua bán trái phép chất ma túy mà có.

- Truy thu số tiền 1.450.000 đồng của Nguyễn Thị Ngọc D bán ma túy cho Nguyễn Duy Ph và Nguyễn Văn N để sung công quỹ Nhà nước.

- Truy thu số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Phạm Tiến Th do thu lợi bất chính mà có để sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm e khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự (BLHS); truy tố bị cáo Phạm Tiến Th về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 BLHS; truy tố các bị cáo Phạm Văn S, Lê Hoài L và Trần Thị Hương G về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Lời đề nghị, mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận, cân nhắc khi quyết định hình phạt.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 106; khoản 1, 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 251; khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D; các điểm a, b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Phạm Tiến Th; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 đối với các bị cáo Phạm Văn S, Lê Hoài L và Trần Thị Hương G; Điều 38; Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”; bị cáo Phạm Tiến Th phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”; các bị

cáo Phạm Văn S, Lê Hoài L và Trần Thị Hương G phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D07 (Bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 14/10/2019).

- Xử phạt bị cáo Phạm Tiến Th 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 14/10/2019).

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 14/10/2019).

- Xử phạt bị cáo Lê Hoài L 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 14/10/2019).

- Xử phạt bị cáo Trần Thị Hương G 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (Ngày 14/10/2019).

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 0,0888 gam Ketamine; 1,6866 gam MDMA hoàn lại sau giám định; 01 đĩa S đường kính 22cm và 02 thẻ nhựa (01 thẻ màu tím và 01 thẻ màu vàng); 01 tờ giấy trên móc treo quần áo ghi chữ Trần Thị Hương G; 01 dụng cụ có đặc điểm đế bằng S màu xanh D, thân trên màu vàng, 01 ống hút màu xanh lá cây, 01 ống hút màu đen; 02 bình xịt hơi cay và 01 con dao dài 29 cm, cán màu đen dài 12 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 17 cm, rộng 3,5 cm.

- Chấp nhận việc Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song trả lại số tiền 17.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Tuyết Nh là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.450.000 đồng của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc Ddo mua bán trái phép chất ma túy mà có.

- Truy thu số tiền 1.450.000 đồng của Nguyễn Thị Ngọc D bán ma túy cho Nguyễn Duy Ph và Nguyễn Văn N để sung công quỹ Nhà nước.

- Truy thu số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Phạm Tiến Th do thu lợi bất chính mà có để sung quỹ nhà nước.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/9/2020 giữa Công an huyện Đ và Chi cục THADS huyện Đ).

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D, Phạm Tiến Th, Phạm Văn S, Lê Kiều Linh và Trần Thị Hương G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND Tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- CCTHADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Trúc Linh